**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG SƯ PHẠM**

**KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA CHÍNH TRỊ**

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)***

**(Áp dụng từ Khóa 62)**

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:Phạm Thị Bình**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: khoa Chính trị - Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983.551387; Email: binhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Văn hóa lãnh đạo, quản lý

**Giảng viên 2: Bùi Thị Cần**

Chức danh, học hàm, học vị:Giảng viên chính, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916.811.309 Email: canbt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

**Giảng viên 3:Lê Thị Thanh Hiếu**

Chức danh, học hàm, học vị: GV.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị - Báo chí, trường KHXH&NV, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0918.528.917; Email: [Ltthieu@vinhuni.edu.vn](mailto:Ltthieu@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học.

**Giảng viên 4: Nguyễn Thị Mỹ Hương**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915905578

Email: [huongntm@vinuni.edu.vn](mailto:huongntm@vinuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận chính trị, Kinh tế chính trị học.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Văn hóa chính trị**  (tiếng Anh): Political culture | | |
| - Mã số học phần: POL31038 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục Chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4 tín chỉ  + Số tiết lý thuyết và đề cương dự án: 30  + Số tiết thực hiện dự án: 30  + Số tiết tự học: 120 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Hệ thống chính trị Việt Nam | | Mã số HP: POL30042 |
| + Học phần học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam | | Mã số HP: LIT20006 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, làm việc nhóm, thực hành nghiên cứu khoa học. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: PPDH - Tư tưởng Hồ Chí Minh – Khoa GDCT  Điện thoại: Email: | | |

**2.** **Mô tả học phần**

Văn hóa chính trị (VHCT) là học phần thuộc khối kiến thức nâng cao của chuyên ngành Giáo dục Chính trị. Học phần gồm có 2 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ dự án. Về lý thuyết ­bao gồm những nội dung cơ bản về VHCT, từ cách tiếp cận nghiên cứu, khái niệm, cấu trúc, phân loại VHCT, chức năng VHCT, VHCT của công dânvà xã hội hóa chính trị; VHCT Việt Nam truyền thống và hiện đại. Về dự án gồm các hoạt động được tổ chức cho sinh viên tiếp cận, thực hiện một số kỹ năng để hình thành ý tưởng/thiết kế/triển khai/cải tiến dự án. Thông qua học phần, người học ý thức được trách nhiệm của mình trong việc xây dựng VHCT Việt Nam, thực hiện được một đề tài nghiên cứu khoa học góp phần trong việc tìm hiểu, vận dụng, lan tỏa những giá trị dân chủ và tiến bộ trong lĩnh vực chính trị.

**3. Mục tiêu môn học**

Học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các kiến thức cơ bản về văn hóa chính trị vào góp phần tìm hiểu các vấn đề thực tiễn văn hóa chính trị Việt Nam thông qua các dự án học phần/đề tài nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần góp phầnrèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng như: tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và sáng tạo; hợp tác, làm việc nhóm... Từ đó, giúp sinh viên hình thành được ý tưởng/thiết kế/triển khai/cải tiến đề tài dự án về VHCT.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Phân tích được khái niệm, cách tiếp cận nghiên cứu, cấu trúc, nội dung và chức năng văn hóa chính trị | Thuyết giảng/  Thảo luận | Bảng kiểm/  Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K4 | Phân tích được nội dung xã hội hóa chính trị, văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống và xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam hiện nay. | Thuyết giảng/  Thảo luận | Bảng kiểm/  Câu hỏi TNKQ |
| CLO2.1 | S4 | Thể hiện tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề về văn hóa chính trị | Thảo luận/ hoạt động nhóm | - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)  - Hồ sơ học tập. |
| CLO2.2 | S4 | Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực trong lập kế hoạch và thực hiện dự án học phần | Thảo luận/ hoạt động nhóm | - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)  - Hồ sơ học tập. |
| CLO3.1 | S4 | Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong lập kế hoạch và thực hiện dự án học phần | Thảo luận /hoạt động nhóm | - Hồ sơ học tập.  - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá) |
| CLO3.2 | S4 | Thực hiện giao tiếp đa phương thức trong thực hiện dự án học phần | Thảo luận /hoạt động nhóm | - Hồ sơ học tập.  - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá) |
| CLO4.1 | C4 | Hình thành được ý tưởng/thiết kế/triển khai/cải tiến 1 đề tài dự án về văn hóa chính trị. | Thảo luận/ hoạt động nhóm | - Hồ sơ học tập.  - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá) |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá**  **(%)** | **Tỷ lệ**  **cho học phần**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | **50%** |
| A1.1 | - Sự chuyên cần, thái độ học tập trong giờ lên lớp và tự học, thảo luận; mức độ học scorm bài giảng trên elearning.  - GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Quan sát, điểm danh/ Phiếu đánh giá  (Rubrics 1) | CLO1.1 | 50% | **10%** |
| CLO1.2 | 50% |
|  |  |
| A1.2 | **Bài kiểm tra tự luận giữa kỳ**  - Đánh giá cá nhân từng SV  - GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Câu hỏi tự luận | CLO1.1 | 30% | **20%** |
| CLO1.2 | 20% |
| CLO2.1 | 25% |
| CLO2.2 | 25% |
| A1.3 | **- Bản kế hoạch/Đề cương dự án**  - GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Phiếu đánh giá (Rubrics 2) | CLO2.1 | 25% | **20%** |
| CLO2.2 | 25% |
| CLO3.1 | 25% |
| CLO3.2 | 25% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | |  | **50%** | **50%** |
| A2.1 | - Sản phẩm dự án học phần  - Lưu file trên LMS. | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | CLO1.1 | 15% |  |
| CLO1.2 | 15% |
| CLO2.1 | 15% |
| CLO2.2 | 15% |
| CLO3.1 | 15% |
| CLO3.2 | 10% |
| CLO4.1 | 15% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và triển khai dự án học phần. | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và triển khai dự án học phần. | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và triển khai dự án học phần. | Tham gia dưới 80% các buổi học, các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và triển khai dự án học phần. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và triển khai dự án học phần.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, tương tác và trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia thảo luận và trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không hợp tác, không chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá bản kế hoạch/đề cương đề tài nghiên cứu khoa học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của Kế hoạch**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, nhưng chỉ 1 phần đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học.  - Hình thức khá, đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Tên đề tài/ vấn đề được lựa chọn nghiên cứu/ Nội dung của Kế hoạch/ đề cương**  ***(6 điểm)*** | - Xác định được vấn đề/ tên đề tài nghiên cứu phù hợp học phần/ mới và hay.  - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các nội dung dự án/, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể.  - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được hệ thống giải pháp giải quyết vấn đề có tính khả thi cao. | - Xác định được vấn đề/ tên đề tài nghiên cứu phù hợp học phần.  - Xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; lập được các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thực sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể.  - Đưa ra được một ý tưởng mới; dự kiến được một ít giải pháp giải quyết vấn đề có tính khả thi. | - Xác định được vấn đề/ tên đề tài nghiên cứu nhưng chưa hoàn toàn phù hợp học phần.  - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; lập được một số hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài.  - Đưa ra được ý tưởng mới nhưng chưa phù hợp với nội dung nghiên cứu khoa học; chưa dự kiến được các giải pháp. | - Chưa xác định được vấn đề/ tên đề tài nghiên cứu.  - Mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và nội dung có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng; lập được rất ít các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm và kế hoạch quá sơ sài.  - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm.  - Không dự kiến được các giải pháp. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A.2.1a**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  ***(2 điểm)*** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. |
| **2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch đề tài nghiên cứu khoa họccủa nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
| **3. Tôn trọng ý kiến tập thể**  ***(2 điểm)*** | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng. |
| **4. Kết quả làm việc**  ***(2 điểm)*** | Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  ***(2 điểm)*** | Thể hiện có trách nhiệm cao, có tính hợp tác cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm, có tính hợp tác về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm, chưa có tính hợp tác về sản phẩm chung. | Không chịu trách nhiệm, không có tính hợp tác trong sản phẩm chung. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A2.1b**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

**Bảng 5. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 3)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 4)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 6. Thang đo đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm**

**(Dành cho SV đánh giá) (A2.2a)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Điểm tối đa**  **(điểm)** | **Điểm nhóm chấm** |
| 1. Kĩ năng giao tiếp, tương tác SV với SV | **5.0** |  |
| *1.1. Biết lắng nghe và đưa ra lời phản hồi 1 cách phù hợp* | *1.0* |  |
| *1.2. Biết lắng nghe và phân tích được ý kiến của người khác* | *1.0* |  |
| *1.3. Biết trình bày ý kiến một cách rõ ràng* | *1.0* |  |
| *1.4. Biết phản hồi và phúc đáp một cách lịch sự* | *1.0* |  |
| *1.5. Biết thuyết phục người khác và đáp lại sự thuyết phục* | *1.0* |  |
| 2. Kĩ năng tạo môi trường hợp tác | **2.0** |  |
| 3. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn | **2.0** |  |
| 4. Kĩ năng xây dựng niềm tin | **1.0** |  |
| **Tổng điểm** | **10.0** |  |

**Bảng 7. Rubric đánh giá kĩ năng thuyết trình và slide trình chiếu**

**(Dành cho GV đánh giá) (A2.2b)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 – 0** |
| **1. Nội dung trình bày**  ***(2 điểm)*** | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật. |
| **2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu)**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức khá tốt *(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu *(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ**  ***(2 điểm)*** | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |
| **4. Tương tác với khán giả**  ***(2 điểm)*** | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả).*  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích. | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả. |
| **5. Quản lí thời gian & hợp tác nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.  - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).  - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).  - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).  - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: ………………………………………….………….…………)** | | | | |

**Bảng 8. Cách tính điểm đánh giá kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 6)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 7)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 9. Rubric đánh giá dự án học phần (A2.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Hình thức của sản phẩm**  ***(10 điểm)*** | - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp.  - Có hình ảnh minh hoạ phù hợp; bảng biểu minh chứng phong phú, phù hợp.  - Hoàn thành đúng thời hạn. | - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp,  - Có hình ảnh minh hoạ; bảng biểu minh chứng nhưng chưa thực sự phù hợp.  - Hoàn thành đúng thời hạn. | - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình chưa hợp lý và chưa đẹp.  - Không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn. | - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày chưa thực sự hợp lý và không đẹp.  - Không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.  - Hoàn thành không đúng thời hạn. |
| **Nội dung sản phẩm**  ***(90 điểm)*** | | | | |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá** | | | **Điểm**  **tối đa** |
| **1** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu** | | | **5** |
| 1.1 | Tổng quan các vấn đề nghiên cứu trong và ngoài nước (0 ÷ 2 đ) | | |  |
| 1.2 | Có phân tích, đánh giá và chỉ ra những tồn tại chưa được giải quyết (0 ÷ 2 đ) | | |  |
| 1.4 | Lý do lựa chọn công trình có tính thuyết phục (0 ÷ 1 đ) | | |  |
| **2** | **Ý tưởng và cách tiếp cận** | | | **15** |
| 2.1 | Ý tưởng: có tính mới về khoa học, có ý nghĩa về thực tiễn ứng dụng… (0 ÷ 10 đ) | | |  |
| 2.2 | Cách tiếp cận: có tính khoa học, tính sáng tạo… (0 ÷ 5 đ) | | |  |
| **3** | **Mục tiêu** | | | **5** |
| 3.1 | Tính rõ ràng, cụ thể, khả thi… (0 ÷ 3 đ) | | |  |
| 3.2 | Phù hợp với tên và nội dung nghiên cứu (0 ÷ 2 đ) | | |  |
| **4** | **Phương pháp nghiên cứu** | | | **5** |
| 4.1 | Mô tả đầy đủ, phù hợp với nội dung nghiên cứu (0 ÷ 2 đ) | | |  |
| 4.2 | Tính rõ ràng, khoa học, hiện đại của các phương pháp nghiên cứu được sử dụng (0 ÷ 3 đ) | | |  |
| **5** | **Kết quả nghiên cứu** | | | **40** |
| 5.1 | Lượng kết quả nghiên cứu tương ứng với các nội dung nghiên cứu thực hiện (0 ÷ 10 đ) | | |  |
| 5.2 | Bàn luận, phân tích ý nghĩa khoa học và thực tiễn của các kết quả nghiên cứu phục vụ mục tiêu (0 ÷ 15 đ) | | |  |
| 5.3 | Kết quả nghiên cứu đảm bảo đạt được các mục tiêu công trình đặt ra (0 ÷ 10 đ) | | |  |
| 5.4 | Khả năng vận dụng kết quả nghiên cứu trong khoa học và ứng dụng thực tiễn (0 ÷ 15 đ) | | |  |
| **6** | **Sản phẩm vượt trội**  *(Các giảng viên xem xét và cho điểm theo sản phẩm công trình đã đạt được. Tổng điểm vượt trội không quá 20 điểm. Đối với tạp chí khoa học, cần căn cứ vào chất lượng các tạp chí công bố)* | | | **20** |
| 6.1 | Kết quả nghiên cứu đã được đăng hoặc nhận đăng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI hoặc Scopus (*hoặc sản phẩm khác thay thế tương đương*) (0 ÷ 10 đ) | | |  |
| 6.2 | Kết quả nghiên cứu có tiềm năng xây dựng thành các đề án khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo (0 ÷ 10 đ) | | |  |
| 6.3 | Kết quả nghiên cứu đã được đăng hoặc nhận đăng trên các tạp chí khoa học nước ngoài (*hoặc sản phẩm khác thay thế*) (0 ÷ 7 đ) | | |  |
| 6.4 | Kết quả nghiên cứu đã được đăng hoặc nhận đăng trên các tạp chí khoa học trong nước (*hoặc sản phẩm khác thay thế*) (0 ÷ 5 đ) | | |  |
| 6.5 | Kết quả nghiên cứu đã được đăng hoặc nhận đăng trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học nước ngoài (*hoặc sản phẩm khác thay thế*) (0 ÷ 5 đ) | | |  |
| 6.6 | Kết quả nghiên cứu đã được đăng hoặc nhận đăng trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học trong nước (*hoặc sản phẩm khác thay thế*) (0 ÷ 3 đ) | | |  |
|  | **Cộng** | | | **90** |
|  | **TỔNG ĐIỂM (hình thức và nội dung dự án học phần): \_\_\_\_\_\_/100**  **(bằng chữ …….……………………………………...………….)** | | |  |

*(Lưu ý sau khi GV đánh giá điểm của nhóm, GV sẽ kết hợp căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhóm về từng thành viên của nhóm mình để xác định điểm cho mỗi thành viên cảu nhóm đó).*

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Văn Huyên (Chủ biên) (2010), *Văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Phạm Thị Bình, Vũ Thị Phương Lê (2025), *Giáo trình Văn hóa lãnh đạo, quản lý,* NXB Đại học Vinh.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, trong đó có 30 tiết lí thuyết và 30 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1,2:*** Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4: 30 tiết (lí thuyết và elearning), thảo luận + hướng dẫn SV hình thành ý tưởng, xây dựng đề cương.

***Tín chỉ 3,4*:** Lập đề cương và kế hoạch triển khai dự án học phần (hình thành ý tưởng/thiết kế đề cương 1 đề tài nghiên cứu khoa học/1 dự án học phần; dự kiến kế hoạch) và triển khai nghiên cứu/thực hiện đề tài (30 tiết).

**Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần GV sẽ trao đổi tại lớp trực tiếp để điều chỉnh phù hợp.**

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm việc nhóm, triển khai dự án học phần***

- Tham gia 100% các buổi làm việc nhóm xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm, triển khai dự án học phần.

- Tham gia tích cực và hợp tác tốt trong các hoạt động triển khai dự án học phần.

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  |  |  |

**TS. Phạm Thị Bình**

|  |
| --- |
|  |
|  |